

Số: 06 /2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Điều 55 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng Nhà nước) quy định thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Điều 55 Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với các trường hợp cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 55 Luật các tổ chức tín dụng phát sinh trước ngày Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành (sau đây viết tắt là “sở hữu cổ phần vượt giới hạn”).

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó (sau đây viết tắt là “nhóm cổ đông có liên quan”) sở hữu cổ phần vượt giới hạn;

b) Tổ chức tín dụng có cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan sở hữu cổ phần vượt giới hạn (sau đây viết tắt là “tổ chức tín dụng”).

Điều 2. Thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn

1. Tổ chức tín dụng phối hợp với cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan sở hữu cổ phần vượt giới hạn lập Kế hoạch khắc phục việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn (sau đây viết tắt là “Kế hoạch khắc phục”), đảm bảo chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015 tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan

tại tổ chức tín dụng tuân thủ quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, trừ các trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoặc được xử lý theo Phương án cơ cấu lại đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Kế hoạch khắc phục tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Danh sách cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan (nêu rõ mối quan hệ liên quan) đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn gồm các thông tin:

- Họ, tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, địa chỉ thường trú (đối với cổ đông là cá nhân); tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế (đối với cổ đông là tổ chức);

- Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần trên vốn điều lệ hiện đang sở hữu tại tổ chức tín dụng (trong đó nêu rõ số lượng, tỷ lệ cổ phần trên vốn điều lệ ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác; thông tin của tổ chức, cá nhân nhận ủy thác và mối quan hệ giữa tổ chức, cá nhân nhận ủy thác và cổ đông đó (nếu có));

- Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần trên vốn điều lệ hiện đang nhận ủy thác của tổ chức, cá nhân khác; thông tin của tổ chức, cá nhân ủy thác và mối quan hệ giữa tổ chức, cá nhân ủy thác và cổ đông đó (nếu có);

- Thông tin về người đại diện phần vốn góp, người có liên quan của cổ đông, cổ đông trong nhóm cổ đông có liên quan;

b) Biện pháp và lộ trình khắc phục việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn;

c) Cam kết của tổ chức tín dụng về việc phối hợp, đôn đốc cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan sở hữu cổ phần vượt giới hạn thực hiện việc khắc phục theo đúng lộ trình nêu trên.

2. Trong thời hạn triển khai Kế hoạch khắc phục nêu tại khoản 1 Điều này hoặc thời hạn nêu trong Phương án cơ cấu lại đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn không được tăng số lượng cổ phiếu nắm giữ tại tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức, trừ các trường hợp sau:

a) Nhận cổ phiếu thưởng hoặc cổ tức bằng cổ phiếu;

b) Mua cổ phiếu phát hành thêm khi tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần sau khi mua tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều 55 Luật các tổ chức tín dụng.

3. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng hoặc cấp tín dụng mới (trong trường hợp đã cấp tín dụng) cho cổ đông, cổ đông trong nhóm cổ đông có liên quan đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn hoặc người có liên quan của các cổ đông đó.

4. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám

đốc) của tổ chức tín dụng đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn được phép chuyển nhượng số cổ phần sở hữu vượt giới hạn quy định.

Điều 3. Xử lý sau thời hạn chuyển tiếp

Sau thời hạn xử lý nêu tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này hoặc sau thời hạn nêu trong Phương án cơ cấu lại đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan chưa đảm bảo tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp như sau:

1. Không chấp thuận nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, bổ nhiệm làm Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng trong trường hợp các nhân sự này là:

a) Cổ đông hoặc thuộc nhóm cổ đông có liên quan đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn tại tổ chức tín dụng;

b) Người đại diện phần vốn góp hoặc người có liên quan của các đối tượng nêu tại điểm a khoản này.

2. Không xem xét việc đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng của cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn tại tổ chức tín dụng đó.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn không được tăng số lượng cổ phần nắm giữ tại tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này; chưa được nhận cổ tức bằng tiền mặt (nếu có) đối với số cổ phần nắm giữ vượt giới hạn cho đến khi đảm bảo tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định.

4. Các biện pháp xử lý cần thiết khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả biện pháp cơ cấu lại đối với tổ chức tín dụng có cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan sở hữu cổ phần vượt giới hạn theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Rà soát danh sách các cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và phối hợp với các cổ đông này xây dựng Kế hoạch khắc phục theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng tại nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Theo dõi, đôn đốc các cổ đông sở hữu cổ phần vượt giới hạn thực hiện Kế hoạch khắc phục nêu tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này. Định kỳ hàng tháng (trước ngày 10 của tháng tiếp theo tháng báo cáo) báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng tại nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính) kết quả thực hiện Kế hoạch khắc phục của tổ chức tín dụng, trong đó nêu rõ:

- Tình hình cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan sở hữu cổ phần vượt giới hạn, trong đó nêu đầy đủ thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này;

- Kết quả khắc phục tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan sở hữu cổ phần vượt giới hạn; trường hợp chưa thực hiện được theo đúng tiến độ nêu trong Kế hoạch khắc phục, báo cáo rõ lý do, các khó khăn, vướng mắc (nếu có) và đề xuất xử lý.

3. Thực hiện trách nhiệm báo cáo về vấn đề cổ đông, cổ phần theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước đối với từng thời kỳ (nếu có).

4. Bổ sung Kế hoạch khắc phục nêu tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này (bao gồm biện pháp, lộ trình) vào nội dung Phương án cơ cấu lại tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng để triển khai đồng bộ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (trong trường hợp Phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt chưa bao gồm nội dung này).

Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông, nhóm cổ đông có liên quan đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn

1. Hợp tác với tổ chức tín dụng để lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giới hạn sở hữu cổ phần và các quy định khác có liên quan.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông tại tổ chức tín dụng.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin cung cấp cho tổ chức tín dụng.

Điều 6. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính (trừ những nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)

1. Tiếp nhận báo cáo của tổ chức tín dụng về Kế hoạch khắc phục việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn theo quy định tại Thông tư này; chỉ đạo tổ chức tín dụng hoàn thiện Kế hoạch khắc phục (nếu cần thiết); báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) Kế hoạch khắc phục của tổ chức tín dụng.

2. Theo dõi, giám sát việc tổ chức tín dụng thực hiện Kế hoạch khắc phục; định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của tháng tiếp theo quý báo cáo) báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) kết quả thực hiện Kế hoạch khắc phục của các tổ chức tín dụng theo các nội dung nêu tại khoản 2

Điều 4 Thông tư này, trong đó đề xuất xử lý các vướng mắc, khó khăn của tổ chức tín dụng (nếu có).

Điều 7. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và các Vụ, Cục khác thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Tiếp nhận báo cáo của tổ chức tín dụng có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch khắc phục việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn theo quy định tại Thông tư này; chỉ đạo tổ chức tín dụng hoàn thiện Kế hoạch khắc phục (nếu cần thiết); theo dõi, giám sát việc cổ đông, tổ chức tín dụng thực hiện Kế hoạch khắc phục đã báo cáo Ngân hàng Nhà nước;

b) Tiếp nhận, tổng hợp các báo cáo từ các tổ chức tín dụng có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nêu tại khoản 2 Điều 4 và của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nêu tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

c) Đầu mối tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và các vấn đề, vướng mắc phát sinh liên quan đến xử lý việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn tại tổ chức tín dụng.

2. Các Vụ, Cục khác:

Phối hợp xử lý các kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, tổ chức tín dụng và các vấn đề, vướng mắc có liên quan theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

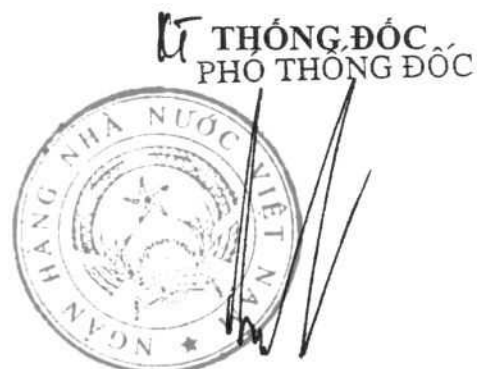
Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2015.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /

Nơi nhận: 2

- Như Điều 9;
- BLĐ NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6 (4).



Nguyễn Phước Thanh 5